

HÌNH THỨC CẤU TẠO VÀ NỘI DUNG NGỮ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ NGHỀ LÀM LỒNG ĐÈN Ở THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

NGÔ THỊ THU HƯƠNG*

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu hình thức cấu tạo và nội dung ngữ nghĩa của từ ngữ nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy: 1) Từ ngữ nghề làm lồng đèn gồm có ba loại hình thức cấu tạo: từ đơn, từ ghép và ngữ định danh, trong đó ngữ định danh có số lượng nhiều nhất; 2) Từ ngữ nghề làm lồng đèn vừa có nghĩa biểu vật vừa có nghĩa biểu niệm, vừa có nghĩa trực tiếp vừa có nghĩa chuyển tiếp. Kết quả này cho thấy tư duy trực quan, tư duy dĩ nhân vi trung của người làm nghề lồng đèn. Đồng thời, kết quả nghiên cứu còn chỉ ra ảnh hưởng của văn hóa địa phương đến từ ngữ nghề làm lồng đèn.

Từ khóa: Hình thức cấu tạo, nội dung ngữ nghĩa, từ ngữ nghề làm lồng đèn.

Abstract: This article studies the structural forms and semantic contents of the jargons in the lantern making profession in Hoi An city, Quang Nam province. Data analysis results show that: 1) The professional jargon in lantern making includes three types of structure: single words, compound words and nominative phrases. Among them, nominative phrases occupy the most; 2) The professional jargon in lantern making has both denotative and connotative meaning, both direct and transitional meaning. Those results also indicate the visual and egocentric thinking of lantern makers. At the same time, the research results also demonstrate the influence of local culture into the professional jargons of lantern making.

Keywords: Structural forms, semantic contents, jargons of lantern making profession.

1. Mở đầu

Từ ngữ nghề nghiệp (TNVN) là một bộ phận cấu thành từ vựng của mỗi ngôn ngữ. Lớp từ ngữ này không những đáp ứng nhu cầu biểu thị đối tượng trong nghề mà còn cho thấy những yếu tố văn hóa tiềm ẩn trong chính bản thân lớp từ ngữ đó. Vì thế, trên thế giới và ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về TNVN được thực hiện, chẳng hạn như công trình nghiên cứu về từ ngữ nghề gốm Quế ở Hà Nam, nghề muối ở Nghệ An, nghề biển ở Thanh Hóa, nghề cá ở Đồng Tháp Mười, nghề biển Thanh - Nghệ - Tĩnh, nghề bánh xứ Quảng, nghề thủ công mỹ nghệ ở Quảng Nam - Đà Nẵng... [dẫn theo 5].

Làm lồng đèn là một nghề có truyền thống lâu đời ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Trong một số thư tịch từ thế kỷ XVIII đã ghi nhận rằng: vào các dịp Tết Nguyên đán, Nguyên tiêu, các dịp mừng lễ Vạn Thọ của các chúa Nguyễn, dịp đón tiếp vua chúa, quan lại từ dinh trấn Quảng Nam đến tuần du, thị sát ở phố Hội An, các làng Hội An, Minh Hương, Cẩm Phô đã tổ chức giăng đèn kết hoa và những đêm treo hoa đăng rất rực rỡ để đón tiếp [1]. Cũng giống như một số nghề truyền thống khác ở Việt Nam, nghề làm lồng

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: ngothuong.vtd@gmail.com

đèn Hội An cũng có những thăng trầm nhất định. Trước năm 1990, lồng đèn không được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các gia đình ở thành phố Hội An. Phải vào những năm 1990 trở lại đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động du lịch, nghề làm lồng đèn mới có nhiều khởi sắc. Sản phẩm của nghề đã được sử dụng rộng rãi và trở thành một trong những sản phẩm thủ công mỹ nghệ nổi tiếng ở thành phố Hội An, được nhiều du khách ở trong và ngoài nước biết đến.

Vì thế, bài viết này tìm hiểu đặc điểm hình thức cấu tạo và nội dung ngữ nghĩa của từ ngữ nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi là nghề làm lồng đèn) nhằm phác họa bức tranh ngôn ngữ của nghề làm lồng đèn với mục đích bảo vệ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa nghề truyền thống đặc sắc này ở tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Bài viết sử dụng lý thuyết của Ngôn ngữ học cấu trúc, phân tích từ ngữ nghề làm lồng đèn trên hai phương diện: *Thứ nhất*, từ ngữ nghề làm lồng đèn được nghiên cứu về hình thức cấu tạo ở cấp độ từ, bao gồm từ đơn tiết (từ đơn) và từ ghép và hình thức cấu tạo ở cấp độ lớn hơn từ, bao gồm ngữ định danh và thành ngữ/ tục ngữ [2; 3; 4]; *Thứ hai*, từ ngữ nghề làm lồng đèn được nghiên cứu về mặt nội dung ngữ nghĩa, bao gồm ý nghĩa biểu vật, ý nghĩa biểu niệm (do đặc thù của TNNN không thể hiện rõ ý nghĩa biểu thái nên chúng tôi tạm thời không đề cập trong nghiên cứu này). Ngoài ra, bài viết này cũng nghiên cứu nghĩa trong mối liên hệ với sự vật, hiện tượng mà TNNN biểu thị (bao gồm nghĩa trực tiếp hay còn được gọi là nghĩa đen hay nghĩa gốc và nghĩa chuyển tiếp hay còn gọi là nghĩa được phái sinh qua các phương thức chuyển nghĩa của từ) [4; 8].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp điều tra điền dã để thu thập từ ngữ nghề làm lồng đèn. Nhóm tác giả đã phỏng vấn sâu các cộng tác viên là những người thợ có kinh nghiệm cũng như các nghệ nhân có tay nghề cao tại một số cơ sở làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình phỏng vấn sâu, nhóm tác giả đã đề nghị các cộng tác viên cung cấp thông tin liên quan đến nghề như các thao tác, hoạt động khi làm nghề; tên sản phẩm của nghề, công cụ làm nghề; nguyên liệu làm nghề;... Từ đó, lập thành danh sách các từ ngữ để làm dữ liệu phân tích trong bài viết.

Bên cạnh đó, bài viết còn sử dụng thủ pháp thống kê mô tả những đơn vị TNNN đã thu thập được theo những tiêu chí nghiên cứu để từ đó chỉ ra đặc điểm hình thức cấu tạo cũng như đặc điểm nội dung ngữ nghĩa của TNNN lồng đèn Hội An. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng thủ pháp phân tích ngữ nghĩa, khái quát nên mô hình cấu trúc ngữ nghĩa của các nhóm từ ngữ biểu thị các nội dung khác nhau trong nghề làm lồng đèn Hội An để thấy được cách thức biểu đạt đối tượng xuất hiện trong nghề của những người lao động nơi đây.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hình thức cấu tạo

Kết quả thống kê và phân loại từ ngữ nghề làm lồng đèn cho thấy, có ba kiểu loại từ ngữ: từ đơn, từ ghép và ngữ định danh; không xuất hiện từ láy/ dạng láy, thành ngữ (xem Bảng 1).

TT	Hình thức cấu tạo	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Từ đơn	3	6
2	Từ ghép	16	32
3	Ngữ định danh	31	62
	Tổng	50	100

Từ đơn trong TNNN nghề làm lồng đèn có số lượng ít nhất, có 3/50 đơn vị, chiếm 6%. Đó là những đơn vị ngôn ngữ như *sườn* (hay

còn gọi là khung, là một bộ phận bên trong của đèn, có dạng thanh, độ cứng cao để định hình đèn), *đít* (bộ phận ở dưới cùng của đèn), *họng* (bộ phận hình ống tròn, ở phía trên của thân đèn, dùng để cố định các nan).

Bảng 2. Số lượng và tỉ lệ từ ghép trong từ ngữ nghề làm lồng đèn

STT	Từ ghép	Số lượng	Tỉ lệ %
1.	Từ ghép đẳng lập	9	56,3
2.	Từ ghép chính phụ	7	43,8
	Tổng	16	100

Từ ghép chiếm số lượng không lớn, có 16/50 đơn vị, chiếm 32%, gồm từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ (xem Bảng 1). Trong đó, từ ghép đẳng lập chiếm số lượng nhiều hơn từ ghép chính phụ (có 9/16 đơn vị, chiếm 56,3%) (xem Bảng 2). Đó là các từ ngữ có ý nghĩa khái quát, tổng hợp nghĩa của các yếu tố thành phần, chẳng hạn như *nấn chỉnh*, *đeo tiện*, *bung tróc*, *gãy nứt*, *chẻ vót*, *bung tróc*, *bung xẹp*, *lắp ghép*,... và được sơ đồ hóa như ví dụ (1).

Ví dụ (1):



Ví dụ (2):

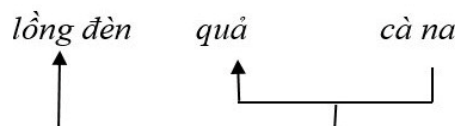


Trong nghiên cứu này, từ ghép chính phụ có số lượng ít hơn từ ghép đẳng lập, có 7/16 đơn vị, chiếm 43,8% (xem Bảng 2). Đó là những đơn vị được cấu tạo theo trật tự tiếng Việt: yếu tố chính đứng trước và mang tính chỉ loại, yếu tố phụ đứng sau bổ sung và hạn định nghĩa cho yếu tố chính, chẳng hạn như *giấy gương*, *giấy bìa*, *giấy trong*, *máy tiện*,... và được sơ đồ hóa như ví dụ (2). Điều này cho thấy nhu cầu khái quát, tổng hợp đối tượng biểu thị cao hơn nhu cầu phân biệt đối tượng biểu thị của từ ngữ nghề làm lồng đèn.

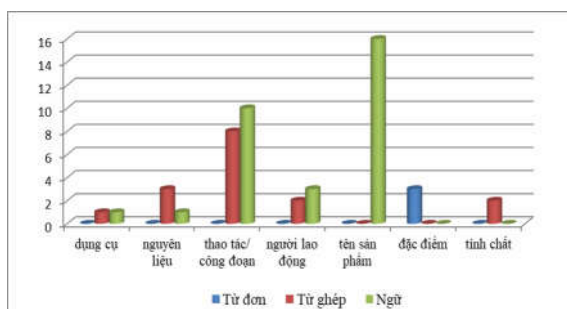
Ngữ định danh có số lượng lớn nhất (có 31/50 đơn vị, chiếm 62%), chủ yếu biểu thị tên sản phẩm cũng như thao tác/ công đoạn làm nghề, nhằm chi tiết hóa đối tượng biểu

thị, chẳng hạn như những trường hợp: *khoan lỗ*, *lấy cỡ*, *chạy chỉ*, *thợ vót nan* (thợ chuyên làm công đoạn vót nan), *thợ lắp ráp* (thợ chuyên làm công đoạn lắp ráp các bộ phận của đèn), *lồng đèn quả cà na* (một loại lồng đèn phình to ở giữa, hai phần trên và dưới thu nhỏ lại, trông giống như quả cà na), để phân biệt với *lồng đèn quả táo* (một loại lồng đèn phình đều ở giữa; phần trên và phần dưới đèn vòng cong lại, trông giống như hình quả táo), *lồng đèn hình bánh ú* (một loại lồng đèn trông tương tự lồng đèn quả cà na nhưng cỡ nan ngắn hơn)... và được sơ đồ hóa như ở ví dụ (3).

ví dụ (3)



Kết quả phân tích tư liệu cho thấy, trong từ ngữ nghề làm lồng đèn không xuất hiện những đơn vị có hình thức cấu tạo là thành ngữ/ tục ngữ. Điều này có nghĩa là, người làm lồng đèn không sử dụng lối nói bóng bẩy của thành ngữ/ tục ngữ mà sử dụng lối nói trực tiếp để truyền đạt thông tin giữa những người cùng làm nghề và giữa những người làm nghề với những người không làm nghề.



Biểu đồ 1. Phân bố các từ ngữ nghề làm lồng đèn

Mặt khác, nghiên cứu sự phân bố của các đơn vị từ ngữ nghề làm lồng đèn cho thấy, mỗi hình thức cấu tạo xuất hiện ở các nhóm từ ngữ biểu thị các nội dung ngữ nghĩa khác nhau: từ đơn chỉ xuất hiện ở nhóm từ ngữ

biểu thị bộ phận của sản phẩm, trong khi từ ghép và ngữ định danh xuất hiện ở 5/7 nhóm từ ngữ (xem Biểu đồ 1). Đồng thời, biểu đồ 1 cho thấy: ngữ định danh xuất hiện nhiều nhất ở nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm và thao tác/ công đoạn sản xuất trong khi từ ghép xuất hiện nhiều nhất ở nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn và nguyên liệu sản xuất. Điều này cho thấy nhu cầu chi tiết hóa rất cao của hai nhóm đối tượng này so với các nhóm từ ngữ khác, như các trường hợp *lồng đèn quả cà na*, *lồng đèn hình bánh ú*,...

Như vậy, qua phân tích hình thức cấu tạo của TNNN nghề làm lồng đèn có thể thấy nhu cầu phân biệt các đối tượng cùng loại trong nghề này cao (thể hiện qua số lượng TNNN có cấu tạo là ngữ định danh). Chính cấu tạo nhiều tầng bậc của những TNNN là ngữ định danh cho thấy mức độ chi tiết hóa cao cũng như cho thấy sự đa dạng của các đối tượng cần đạt được trong nghề làm lồng đèn. Mặt khác, trong vốn TNNN nghề làm lồng đèn không thấy xuất hiện những từ ngữ là thành ngữ/ tục ngữ như nghề chạm khắc đá Non Nước (Đà Nẵng) [6].

3.2. Nội dung ngữ nghĩa

3.2.1. Cấu trúc ngữ nghĩa

Tìm hiểu ý nghĩa biểu vật của từ ngữ nghề làm lồng đèn cho thấy những nhóm đối tượng xuất hiện trong nghề, chẳng hạn như qua hai đơn vị từ ngữ biểu thị dụng cụ sản xuất như: *máy tự chế*, *máy tiện* có thể thấy hiện trong nghề làm lồng đèn đang sử dụng hai dụng cụ làm nghề. Cũng như vậy, qua ý nghĩa biểu vật của mười tám đơn vị từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn sản xuất như: *lấy cỡ*, *chạy chỉ*, *xâu nan*,... có thể thấy nghề làm lồng đèn hiện đang sử dụng mười tám thao tác/ công đoạn sản xuất,... Từ đó, có thể thấy những người thợ nơi đây sử dụng máy móc hỗ trợ cho công việc không nhiều mà họ chủ yếu sử dụng tay để làm ra các sản xuất (thủ công).

Ngoài ra, nghiên cứu ý nghĩa biểu vật của mỗi nhóm từ ngữ nghề làm lồng đèn còn cho thấy sự khác nhau trong việc lựa chọn các tiêu chí phân biệt đối tượng trong nghề, chẳng hạn như nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm được phân biệt theo các tiêu chí sau: 1) tiêu chí chất liệu có những loại sản phẩm như *lồng đèn gỗ*, *lồng đèn sắt*,...; 2) tiêu chí hình dáng có những loại sản phẩm như *lồng đèn bánh ú*, *lồng đèn kim cương*, *lồng đèn hoa sen*,... Nhóm từ ngữ biểu thị người lao động có sự phân biệt với nhau theo tiêu chí công việc như *thợ xâu nan*, *thợ vót nan*, *thợ lắp ráp*, *thợ dán vải*,...

Bên cạnh ý nghĩa biểu vật, từ ngữ nghề làm lồng đèn còn mang nghĩa biểu niệm. Tuy nhiên, mỗi nhóm từ ngữ biểu thị các nội dung ý nghĩa khác nhau sẽ có các cấu trúc biểu niệm khác nhau, chẳng hạn như nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu sản xuất của nghề làm lồng đèn bao gồm những từ ngữ như: *giấy gương*, *giấy trong*, *len công nghiệp*, *vải*,... có cấu trúc biểu niệm như ở ví dụ (3).

Ví dụ (3):

giấy gương (vật liệu có độ trong suốt) (dạng tờ) (dùng để dán bên ngoài lồng đèn).

len công nghiệp (vật liệu được sản xuất theo quy trình công nghiệp) (có dạng sợi).

Cấu trúc biểu niệm của nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu sản xuất nghề làm lồng đèn có thể được mô hình hóa như sau: **(vật liệu) ± (X_n)**. Trong đó: **X** là những nét nghĩa về tính chất, hình dạng,... của vật liệu sản xuất; **n** là số lượng các nét nghĩa.

Theo lý thuyết về ý nghĩa biểu niệm, ta có thể hình dung cấu trúc biểu niệm của một số từ ngữ thuộc nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn sản xuất của nghề làm lồng đèn như ví dụ (4).

Ví dụ (4):

chạy chỉ (thao tác/ công đoạn sau khi lắp

ráp, nắn chỉnh khung đèn) (được làm bằng cách dùng ghim đã được khâu một sợi dây cước hoặc dây dù, vòng đi vòng lại quanh một thanh nan từ hai đến ba lần rồi gút lại cho chắc rồi mới đến làm tiếp thanh nan tiếp theo) (công đoạn này thường do thợ phụ làm).

xâu nan (thao tác/ công đoạn sau khi lấy cỡ và khoan) (xâu với nhau bằng một sợi thép) (để tạo khung sản phẩm).

Cấu trúc biểu niệm của nhóm từ ngữ về thao tác sản xuất nghề làm lồng đèn có thể được mô hình hóa như sau: **(thao tác/ công đoạn) ± (X_n)**. Trong đó, **X** là những nét nghĩa mô tả về thứ tự của thao tác trong toàn bộ quy trình làm ra sản phẩm, cách làm của thao tác, công đoạn đó, công dụng của cách làm đó... của hoạt động sản xuất; **n** là số lượng các nét nghĩa.

Đối với nhóm từ ngữ về sản phẩm nghề làm lồng đèn là những từ ngữ như *lồng đèn quả táo, lồng đèn gỗ, lồng đèn 20cm*,... Theo lý thuyết về ý nghĩa biểu niệm, ta có thể hình dung cấu trúc biểu niệm của một số từ ngữ thuộc nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm nghề làm lồng đèn như sau:

lồng đèn quả cà na (sản phẩm có dạng lồng) (dùng để soi sáng hoặc trang trí) (trông giống hình quả cà na)

lồng đèn sắt (vật có dạng lồng) (dùng để soi sáng hoặc trang trí) (kết cấu bằng sắt)

Có thể mô hình hóa cấu trúc biểu niệm của nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm nghề làm lồng đèn như sau: **(loại sản phẩm) ± (X_n)**. Trong đó: **X** là những nét nghĩa về kích thước, chất liệu, màu sắc, hình dáng, ...; **n** là số lượng các nét nghĩa.

Như vậy, có thể thấy, mỗi nhóm từ ngữ biểu thị các nội dung ngữ nghĩa khác nhau nhưng nhìn chung, chúng đều có mô hình cấu trúc biểu niệm như sau: **Y ± X (n)**. Trong đó, **Y** là nét nghĩa chỉ loại; **X** là nét nghĩa chỉ tiết, bổ sung thông tin cho nét nghĩa chỉ loại;

n là số lượng các nét nghĩa, **n** càng lớn thì nhận thức về đối tượng càng nhiều.

3.2.2. Nghĩa trong mối quan hệ với đối tượng mà từ biểu thị

Những từ ngữ nghề làm lồng đèn có nghĩa trực tiếp biểu thị những đối tượng khác nhau trong nghề qua ý nghĩa biểu vật về công cụ, nguyên liệu, thao tác/ công đoạn sản phẩm, người lao động... chẳng hạn như, *cột dây* (công đoạn trong nghề làm lồng đèn sau khi đã định hình sản phẩm lồng đèn), *lồng đèn củ tỏi* (loại lồng đèn hình giống củ tỏi, phần trên hơi nhọn và phần dưới phình to), *lồng đèn sắt* (loại lồng đèn có khung bằng sắt),... Có thể thấy, nghĩa trực tiếp của những từ ngữ thuộc loại này còn là sự tổng hợp nghĩa của các thành tố cấu tạo, chẳng hạn: *thợ vót nan* (thợ chuyên làm công việc vót nan), *chọn tre* (công đoạn chọn những cây tre thẳng, ít mắt),...

Bên cạnh nghĩa trực tiếp, TNNN nghề làm lồng đèn còn cho thấy nghĩa chuyển tiếp được phái sinh qua phương thức ẩn dụ/ hoán dụ. Chẳng hạn như việc sử dụng nét nghĩa có hình dạng tương tự bộ phận của cơ thể người như *đít* (phần dưới của thân người và động vật), *sườn* (bộ phận cơ thể người và động vật, dùng để nâng lồng ngực của người và động vật), *họng* (bộ phận cơ thể người và động vật, có dạng hình ống tròn)... để gọi tên những bộ phận của đèn lồng. Điều này cho thấy tư duy trực quan của người làm nghề lồng đèn khi ẩn dụ cái lồng đèn như là một cơ thể người, gồm các bộ phận như *họng, đít, sườn*.

Ngoài ra, nghĩa chuyển tiếp của TNNN nghề làm lồng đèn còn được phái sinh trên cơ sở ẩn dụ/hoán dụ những nét nghĩa tương cận/ tương đồng của các đối tượng thuộc văn hóa địa phương, chẳng hạn như các trường hợp: *lồng đèn quả táo, lồng đèn quả cà na, lồng đèn củ tỏi, đèn chùa Cầu*,... của nghề làm lồng đèn. Những từ ngữ này được hình thành từ những nét nghĩa tương đồng về hình dáng

của đối tượng được phản ánh, chẳng hạn như việc ẩn dụ nét nghĩa hình thức của *táo* “tên gọi chung một số cây có quả tròn, da nhẵn, thịt mềm, ăn được” [8] để gọi tên một loại lồng đèn cong dần đều về phần giữa (*lồng đèn quả táo*); ẩn dụ nét nghĩa hình dáng tương tự của quả *cà na* để gọi tên một loại lồng đèn nhỏ ở hai đầu và phình nhiều ở phần giữa (*lồng đèn quả cà na*); ẩn dụ nét nghĩa hình dáng của *tỏi*, một loại “cây thân cỏ, củ có nhiều nhánh, vị cay, mùi hăng, dùng làm gia vị và làm thuốc” [8] để gọi tên một loại lồng đèn phình nhỏ ở phần trên và phình lớn ở phần dưới (*lồng đèn củ tỏi*). Điều này cho thấy văn hóa địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến từ ngữ nghề làm lồng đèn.

4. Kết luận

Từ ngữ nghề làm lồng đèn là một “tiểu hệ thống” thuộc hệ thống TNNN trong tiếng Việt nói chung, TNNN ở Hội An, Quảng Nam nói riêng. Nó không những có chức năng giao tiếp mà còn có chức năng phản ánh tư duy của người lao động trong quá trình lao động sản xuất của mình. Những điều đó được thể hiện qua hình thức cấu tạo cũng như nội dung ý nghĩa của từ ngữ nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Do đó, cần chú ý đến hai nội dung này trong việc giảng dạy, phổ biến, quảng bá và biên soạn

từ điển về từ ngữ nghề nghiệp Quảng Nam nói chung, từ ngữ nghề làm lồng đèn nói riêng... nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, ngôn ngữ nghề truyền thống nói chung, từ ngữ nghề làm lồng đèn ở địa phương này nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn An, *Nghề truyền thống ở Hội An*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1995.
- [3] Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [4] Nguyễn Thiện Giáp, *Cơ sở Ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [5] Ngô Thị Thu Hương, *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp ở Quảng Nam - Đà Nẵng*, Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, 2019.
- [6] Ngô Thị Thu Hương, “Đặc điểm ngôn ngữ của từ ngữ nghề chạm khắc Đá Non Nước”, *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 7, 2023.
- [7] Nguyễn Văn Khang (Chủ nhiệm nhiệm vụ), *Từ ngữ nghề nghiệp gồm sứ Bát Tràng*, Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Viện Ngôn ngữ học, 2002.
- [8] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2006.
- [9] Nguyễn Đức Tồn, *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của Ngôn ngữ và Tư duy*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.